TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2021/HC-PT
Ngày: 20/01/2021
"V/v khiếu kiện yêu cầu hủy định hành chính"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường**.

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường** và ông **Phạm Tồn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2020/TLST-HC ngày 24 tháng 11 năm 2020 về "Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính"; do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 612/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Trọng M; Địa chỉ: phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai. Địa chỉ trụ sở: thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P; Địa chỉ trụ sở: thành phố P, tỉnh Gia Lai; người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu Q, chức vụ: Chủ tịch; người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Công Q; Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P. Địa chỉ trụ sở làm việc: thành phố P, tỉnh Gia Lai (văn bản ủy quyền số 20/GUQ-UBND ngày 04/12/2020- có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2019, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Nguyễn Trọng M trình bày:

Ngày 13/7/2012, ông được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 909409 đối với thửa đất số 18A, tờ bản đồ số 07 nay là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại hẻm 109, đường P, tổ 17, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đây là tài sản riêng của ông do được nhận tặng cho và ông không nhập tài sản này vào tài sản chung của vợ chồng. Thửa đất của ông thuộc diện bị thu hồi để thực hiện dự án: Kè chống sạt lở suối P, Tp. P, theo Quyết định số 1790/QĐ- UBND ngày 09/12/2015 và được bồi thường hỗ trợ theo Bảng tổng hợp của Quyết định phê duyệt số 1784/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND thành phố P.

Mặc dù ông rất đồng thuận với chủ trương này để làm đẹp thành phố. Tuy nhiên với việc gia đình ông phải nhận mức bồi thường, hỗ trợ quá thấp và không có lô đất tái định cư, nên ông đã làm đơn khiếu nại, kêu cứu đến một số ban ngành, nhưng chưa được giải quyết hợp lý, hợp tình. Gần nhất, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông. Nhận quyết định số 961/QĐ-UBND nhưng ông thấy chưa thỏa đáng nên ông làm đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai vì các lý do sau:

- Trước đây, ông đã nhiều lần xin chuyển mục đích sử dụng thửa đất bị thu hồi nói trên thành đất ở để làm nhà ở cho gia đình, nhưng không thể được vì vướng quy hoạch kè suối P. Vì vậy, dù thửa đất bị thu hồi không phải là đất ở, nhưng vấn đề này là do yếu tố khách quan, bị vướng quy hoạch nên ông không được phép chuyển mục đích sử dụng thành đất ở. Nay bị thu hồi 80% diện tích, khiến phần đất còn lại chỉ là một mảnh nhỏ, siêu mỏng, siêu méo, đầu thừa, đuôi thẹo, do đó ông không thể làm nhà ở. Trong các buổi họp đối thoại với UBND thành phố P và Thanh tra tỉnh, ông đã đề nghị xem xét giải quyết cho ông được cấp 01 lô đất tái định cư hoặc được mua 01 lô đất ở phân lô bán theo giá khởi điểm không qua đấu giá nhưng không được xem xét giải quyết.

- Tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai năm 2015 (áp dụng trong giai đoạn 2015-2019), tại bảng số 5: Bảng giá đất nông nghiệp trong phạm vi khu dân cư đô thị, khu dân cư nông thôn, thể hiện nội dung: "Đối với một thửa đất nông nghiệp, đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư có nhiều cách áp dụng hệ số khác nhau, thì chỉ được áp dụng một lần hệ số cao nhất" và hiện nay Quyết định này vẫn có hiệu lực thi hành.

Theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh Gia Lai, có phân biệt hệ số áp giá thành nhiều đoạn: Từ chỉ giới xây dựng đến mét thứ 25; từ mét thứ 26 đến 50; từ mét thứ 50 trở đi... là để áp giá cho các thửa đất ở các vị trí tương ứng. Còn trong trường hợp thửa đất trải dài từ trước mét 25, đến sau mét 25, thì theo tinh thần Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND chỉ được áp giá với hệ số cao nhất. Cụ thể trong trường hợp của ông là phải áp toàn bộ diện tích theo hệ số K1, với giá 828.800 đồng/m^2.

Do đó việc Trung tâm phát triển quỹ đất áp giá thành hai khoản mục K1 và K2, với đơn giá bồi thường K2 thấp hơn K1 theo Quyết định số 304/QĐ-UBND mà không xét đến Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND là chưa đầy đủ, trái với chủ trương của Nhà nước và tinh thần của Quyết định 41/2014 của UBND tỉnh Gia Lai.

2. Tại văn bản số 2079/UBND-NC ngày 20/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng M như sau:

Ông M khiếu nại có hai nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, ông Nguyễn Trọng M đề nghị được giao một lô đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá sau khi UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Trọng M với phần diện tích 289,9m^2 đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (không có nhà ở trên đất thu hồi).

Thứ hai, ông M cho rằng việc UBND thành phố P căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, thực hiện dự án Kè chống sạt lở suối P (giai đoạn 1) để từ đó thực hiện bồi thường đối với diện tích thu hồi của ông theo hai hệ số K1 và K2 là không đúng quy định, mà phải áp dụng Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố P năm 2015 (áp dụng trong giai đoạn 2015- 2019).

Để đảm bảo xử lý hồ sơ chặt chẽ, đúng quy định, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao Thanh tra tỉnh tổ chức xác minh, đối thoại nhiều lần với ông M để giải thích cho ông M hiểu rõ các quy định của pháp luật liên quan các nội dung khiếu nại của ông, về cơ bản, sau khi nghe giải thích, ông M đã hiểu các quy định pháp luật nhưng vẫn đề nghị UBND tỉnh xem xét hoàn cảnh gia đình ông để vận dụng, giải quyết cho ông được giao một lô đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá. Đề nghị này của ông M là không có cơ sở xem xét nên Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 giải quyết khiếu nại lần hai không công nhận các nội dung khiếu nại nêu trên của ông M

(nội dung vụ việc và các căn cứ không công nhận khiếu nại đã phân tích, kết luận rõ tại Quyết định số 961/QĐ-UBND).

Đối với nội dung đơn khiếu nại của ông M, Chủ tịch UBND tỉnh đã xem xét, ban hành Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 để giải quyết khiếu nại lần hai của ông M theo đúng thẩm quyền quy định của pháp luật (sau khi Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 19/01/2018).

3. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND thành phố P là ông Huỳnh Công Quang trình bày:

Về việc xin được giao đất ở: Theo Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Trọng M để triển khai dự án Kè chống sạt lở suối P, thành phố P, với một phần diện tích là 289,9m^2 đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 909409 của ông Nguyễn Trọng M, thửa đất số 18A, tờ bản đồ số 07, địa chỉ 27/2 đường P, tổ 17, phường H, thành phố P).

Như vậy, trường hợp của ông Nguyễn Trọng M là trường hợp Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất nông nghiệp và không có nhà ở trên đất thu hồi. Gia đình ông M không thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất ở tái định cư theo điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ cũng như giao đất ở không thông qua hình thức đấu giá tại khoản 2 Điều 118 Luật đất đai 2013. Nên việc ông Nguyễn Trọng M đề nghị UBND thành phố xem xét và giao đất ở cho ông theo mục a khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và vận dụng khoản 1, 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 là không có cơ sở.

Về áp giá bồi thường đất nông nghiệp: Căn cứ Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 quy định:*"Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất".*

Ngày 27/5/2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Kè chống sạt lở suối P (giai đoạn 1).

Lô đất của gia đình ông Nguyễn Trọng M có diện tích đất 369,5m^2 đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong dự án: Kè chống sạt lở suối P (đoạn từ đường N đến đường H) có diện tích đất thu hồi 289,9m2 đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, thuộc vị trí 4, ngõ hẻm loại 3 có kích thước nhỏ hơn 3,5m, từ mét 150 đến cuối hẻm

của đường P (Đoạn hết ranh giới chùa Quang M, hết ranh giới nhà 57 đến cuối đường). Căn cứ Quyết định 304/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, thực hiện dự án xây dựng Kè chống sạt lở suối P, thành phố P (giai đoạn 1) thì UBND thành phố đã áp giá từ mặt tiền thửa đất đến mét thứ 25 của thửa đất là: 828.800đ/m^2 và từ mét >25 đến mét thứ 50 của thửa đất là: 473.000đ/m^2.

UBND thành phố thực hiện đúng theo các quy định hiện hành về việc bồi thường, hỗ trợ đất theo đơn giá do UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 27/5/2015.

Do đó, việc ông M yêu cầu áp lại giá bồi thường theo đơn giá K1 theo cách tính của Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Gia Lai không có cơ sở.

Theo trình tự giải quyết khiếu nại thì ngày 04/01/2018, UBND thành phố đã tổ chức đối thoại với các bên có liên quan. Qua thảo luận các cơ quan chuyên môn xác minh các nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Trọng M như sau: Ông M muốn được giao đất ở thì thực hiện theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại Khoản 1 Điều 118 Luật đất đai 2013; UBND thành phố đã áp giá bồi thường đất đúng theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh.

Căn cứ kết quả xác minh nội dung khiếu nại và kết quả buổi đối thoại ngày 04/01/2018 thì ngày 19/01/2018 Chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 107/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ ông M. Theo đó UBND thành phố không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Trọng M về phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng công trình Kè chống sạt lở suối P của UBND thành phố đối với thửa đất của ông tại tổ 17, phường H. Giữ nguyên phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Nguyễn Trọng M theo Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND thành phố P.

Như vậy các nội dung khiếu nại của ông M đã được UBND thành phố P giải quyết đúng theo quy định pháp luật. Việc ông M khởi kiện yêu câu hủy Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai (có liên quan đến Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND thành phố P) là không có cơ sở.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 23/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ các Điều 18, 21, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39 và 40 của Luật khiếu nại năm 2011; các Điều 74, 79, 118 của Luật đất đai 2013; Điều 6 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Nguyễn Trọng M về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trọng M, cư trú tại tổ 10, phường H, thành phố P (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/10/2020, ông Nguyễn Trọng M kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 23/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trọng M.

Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện không rút hoặc bổ sung thay đổi mà vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo.

Người bị kiện có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và bảo lưu quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều gửi đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy HĐXX thống nhất ý kiến của người khởi kiện và đại diện Viện kiểm sát vẫn tiến hành xét xử như quy định tại khoản 1 Điều 157 luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét nguồn gốc sử dụng đất và nguyên nhân phát sinh bồi thường; HĐXX thấy rằng: Ngày 13/7/2012, UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 909409 đối với thửa đất số 18A, tờ bản đồ số 07 có diện tích 301,36m2 (đo thực tế là 369,5m2) đất trồng cây lâu năm, nay là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại hẻm 109, đường P, tổ 17, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai cho ông Nguyễn Trọng M. Thửa đất trên thuộc diện bị thu hồi một phần là 289,9m2 (còn lại là 79,6m2) để thực hiện dự án Kè chống sạt lở suối P, thành phố P theo Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 và được bồi thường hỗ trợ theo Bảng tổng hợp của Quyết định phê duyệt số 1784/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND thành phố P với tổng giá trị bồi thường và hỗ trợ là 260.414.304đ, trong đó có 203.514.980đ giá trị bồi thường về đất và 56.899.324đ các chính sách hỗ trợ khác.

[3] Không đồng ý với giá trị hỗ trợ và bồi thường như trên, ông M đã gửi đơn khiếu nại. Ngày 19/01/2018, Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố P đã ban hành quyết định số 107/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông M. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 08/2/2018 ông M gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai khiếu nại đối với quyết định số 107/QĐ-UBND. Ngày 18/9/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai đã để ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 961/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 21, 36, 37, 38 và 39 của Luật khiếu nại năm 2011, nên tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ.

[4] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trọng M yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trọng M của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai, vì ông M cho rằng: Thửa đất của ông sau khi bị thu hồi thì phần đất còn lại chỉ là có hình thù méo mó nên không đủ điều kiện để chuyển mục đích sử dụng đất (79,6m^2), bản thân ông không có đất ở tại nơi nào khác (đang ở nhờ nhà vợ), hoàn cảnh gia đình khó khăn có con khuyết tật, mẹ già 90 tuổi nên ông đề nghị giải quyết cấp cho ông 01 lô đất tái định cư hoặc cho ông được mua 01 lô đất ở phân lô bán theo giá khởi điểm không qua đấu giá, đồng thời ông M cũng cho rằng việc bồi thường đối với diện tích đất thu hồi của ông theo hệ K1, K2 là không đúng quy định của pháp luật; HĐXX xét thấy: Tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định: " *Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền*

sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau: a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư". Như vậy, đất của ông M đang sử dụng là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, do đó trường hợp của ông M là trường hợp Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất nông nghiệp và không có nhà ở trên đất thu hồi thì pháp luật không quy định về việc người bị thu hồi đất nông nghiệp thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư như đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 79 Luật đất đai năm 2013 và điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trọng M về việc được giao một lô đất tái định cư để ông ổn định chỗ ở là không có căn cứ pháp luật.

[5] Đối với kháng cáo việc áp giá bồi thường theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, thực hiện dự án Kè chống sạt lở suối P (giai đoạn 1) để từ đó thực hiện bồi thường đối vơi diện tích thu hồi theo hai hệ số K1 và K2 là không đúng; HĐXX thấy rằng: Tại Điều 1 của Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Gia Lai năm 2015 (áp dụng trong giai đoạn 2015-2019) quy định, bảng giá đất kèm theo quyết định này sử dụng làm căn cứ và cơ sở để tính tiền sử dụng đất khi nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ cá nhân, gia đình; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; tính thuế sử dụng đất, tính phí và lệ phí trong quản lý đất đai, tính tiền xử phạt vi phạm hành chính; tính tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất; tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê. Đồng thời, quy định tại bảng số 5: *Bảng giá đất nông nghiệp trong phạm vi khu dân cư đô thị, khu dân cư nông thôn, đối với việc áp dụng hệ số k có nội dung "Đối với một thửa đất nông nghiệp, đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư có nhiều cách áp dụng hệ số khác nhau, thì chỉ được áp dụng một lần hệ số cao nhất* Nội dung này được hiểu là điều chỉnh đối với thửa đất cùng lúc tiếp giáp nhiều loại đường có các hệ số khác nhau thì áp dụng hệ số cao nhất. Tuy nhiên, thửa đất của ông M có diện tích đất 369,5m^2 đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đã được quy hoạch trong dự án Kè chống sạt lở suối P (đoạn từ đường N đến đường H) có diện tích đất thu hồi là 289,9m^2 và phần đất còn lại của ông là 79,6m^2, thuộc vị trí 4, ngõ

hẻm loại 3 có kích thước nhỏ hơn 3,5m, từ mét 150 đến cuối hẻm, của đường P (đoạn hết ranh giới chùa Quang M, hết ranh giới nhà 57 đến cuối đường). Do đó, áp dụng theo Quyết định số 304/QD-UBND ngày 27/5/2015 UBND tỉnh Gia Lai ban hành hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Kè chống sạt lở suối P (giai đoạn 1) là đảm bảo đúng quy định tại khoản 2, Điều 74 Luật đất đai 2013.

[6] Tại phiên tòa hôm nay ông M trình bày bản thân ông M không có đất ở tại nơi nào khác ngoài việc đang ở nhờ nhà bên phía vợ; hoàn cảnh gia đình khó khăn, do có con bị khuyết tật, mẹ già yếu 90 tuổi, nên ông mong muốn được mua một lô đất với giá hợp lý, nhưng cho đến nay vẫn chưa được giải quyết. Xét thấy việc đề nghị giao đất ở có thu tiền sử dụng đất là chủ trương chính sách chung của nhà nước và tùy vào điều kiện, hoàn cảnh của mỗi địa phương; nếu ông M có nhu cầu thì gửi đơn đến các cơ quan có thẩm quyền để được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và chủ trương chính sách tại địa phương.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trọng M, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ.

[8] Ông M kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trọng M; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 23/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ các Điều 18, 21, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39 và 40 của Luật khiếu nại năm 2011; các Điều 74, 79, 118 của Luật đất đai 2013; Điều 6 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trọng M về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 về việc giải quyết đơn khiếu nại của

ông Nguyễn Trọng M, cư trú tại tổ 10, phường H, thành phố P (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

2. Án phí hành chính: Ông Nguyễn Trọng M phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm. Ông M đã tạm ứng 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai số 11617 ngày 08/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (ông M đã nộp đủ án phí).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/01/2021).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.